Ngày soạn: ......... / …… / 20…… Ngày dạy: ......... / …… / 20……

***Kế hoạch dạy học lớp 2 môn Toán Tuần 30***

**PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 1000**

**NẶNG HƠN, NHẸ HƠN (SGK-tr 85)**

**I. MỤC TIÊU:** Sau bài học, học sinh:

**1. Kiến thức**: Bước đầu hình thành biểu tượng về khối lượng qua việc so sánh để nhận biết nặng hơn, nhẹ hơn hay nặng bằng nhau giữa hai vật thông thường; Biết cách so sánh các vật nặng hơn, nhẹ hơn hay nặng bằng nhau từ hình ảnh bập bênh.

**2. Kĩ năng**: Cảm nhận được độ nặng hơn, nhẹ hơn hay nặng bằng nhau giữa hai vật bằng các giác quan; Xác định được các vật nặng hơn, nhẹ hơn hoặc nặng bằng nhau thông qua bập bênh, con vật đồ chơi....

**3. Thái độ**: Yêu thích môn học; cẩn thận, sáng tạo, hợp tác.

**4. Năng lực chú trọng**: Tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

**5. Phẩm chất**: Nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**6. Tích hợp**: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Sách Toán lớp 2; bộ thiết bị dạy toán; máy chiếu,...

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con; …

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC DẠY HỌC:**

**1. Phương pháp dạy học**: Đàm thoại, trực quan, vấn đáp, giải quyết vấn đề, trò chơi.

**2. Hình thức dạy học**: Cá nhân, nhóm, lớp.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động (3-5 phút):** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trò chơi,..  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên tổ chức cho học sinh chơi trò chơi: Ai nhanh hơn  - GV chia lớp thành hai đội A – B  - Hai đội luân phiên nhau nêu kết quả cộng, trừ các số tròn trăm ( Cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 1000).  - Nhận xét, tuyên dương.  -> Giới thiệu bài học mới: Nặng hơn – nhẹ hơn | -HS tham gia chơi  - HS lắng nghe. |
| **2. Bài học và thực hành (23-25 phút):** |  |
| *\* Mục tiêu:* Hình thành biểu tượng về khối lượng qua việc so sánh để nhận biêt nặng hơn, nhẹ hơn hay nặng bằng nhau giữ hai vật thông thường.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trực quan, đàm thoại, thực hành, thảo luận; Cá nhân, nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| **a) Tạo tình huống: nhu cầu xuất hiện việc so sánh hai vật.**  - Giáo viên đưa ra hai vật (con heo bằng đát và con heo băng nhựa) cho HS quan sát và nhận xét:  + Con heo được làm bằng vật liệu gì?  +Em thấy con heo nào đẹp hơn?  + Con heo nào nặng hơn?  -Cho HS lên bảng cầm hai con heo bằng đôi tay.  - Đưa ra quả bóng bay và trái bóng. Hướng dẫn tương tự.  - GV nhận xét, kết luận: Vậy nhìn vào hai vật, ta có thể so sánh, biết vật nào nặng hơn,nhẹ hơn hay nặng bằng nhau không?  **b) Giới thiệu “nặng hơn”, “nhẹ hơn” hay “nặng bằng nhau”**  **-** Yêu cầu HS đặt cây bút,cây bút chì, cây thước, quyển sách Toán... lên trên bàn.  - Cho HS thực hiện theo hình thức trò chơi “Đố bạn”  - Để nhận biết “nặng”, “nhẹ” qua việc nâng các đồ vật trên hai tay.  + Cái nào nặng hơn?  - Gọi một số nhóm thực hiện trước lớp.  -Cho HS quan sát hình ảnh trong bài học, dùng từ so sánh:  + Giỏ màu đỏ.?.giỏ màu xanh? Vì sao em biết?  + Giỏ màu xanh.?.giỏ màu đỏ? Vì sao em biết?  + Hai bạn đang ngồi trên bập bênh. Hai bạn đó nặng như thế nào? Vì sao em biết?  -Gọi HS lên trả lời, sau đó GV nhận xét, chốt lại. | - Nhóm 2 học sinh, quan sát và thảo luận trả lời:  + Bằng đất, bằng nhựa.  + Con heo bằng đất ( bằng nhựa)  + Con heo bằng đất nặng hơn.  - Học sinh quan sát, làm theo.   * Thảo luận, trả lời   - Học sinh lắng nghe.  - Đặt đồ dùng lên bàn.  - Thực hiện nhóm đôi.  -Cầm hai đồ vật lên và so sánh:  + Hộp bút nặng hơn cây thước.  + Cây bút nhẹ hơn quyển sách Toán.  + Hai cây thước nặng bằng nhau.  + Giỏ màu đỏ nặng hơn giỏ màu xanh. Vì có nhiều đồ trong giỏ.  + Giỏ màu xanh nhẹ hơn giỏ màu đỏ.Vì không có đồ trong giỏ.  + Hai bạn đang ngồi trên bập bênh. Hai bạn đó nặng bằng nhau. Vì cái bập bênh nằm ngang bằng nhau.  - HS lắng nghe. |
| ***2.2. Thực hành*** |  |
| *\* Mục tiêu:* HS vận dụng kiến thức vừa học so sánh hai vật, nhận biết được biểu tượng về khối lượng.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trực quan, thực hành; Cá nhân, nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| **Bài 1:**   * Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.   **D:\LỚP 2\screenshot_1513_0.jpg**  - Cho HS quan sát tranh, thảo luận nhóm đôi.  - GV nhận xét, cho HS giải thích vì sao em biết. | -Nhắc lại yêu cầu.  -Quan sát tranh,thảo luận. Sau đó từng nhóm lên trả lời.  a/ Bạn gái nặng hơn bạn trai  (Bạn trai nhẹ hơn bạn gái)  b/ Bạn trai nặng hơn bạn gái  (Bạn gái nhẹ hơn bạn trai).  c/ Hai bạn nặng bằng nhau. |
| **Bài 2:**  - ChoHS quan sát bằng mắt cảm nhận độ nặng nhẹ của các vật.  -Gọi HS trả lời, sau đó cho các em lên bảng cầm các vật lên để cảm nhận độ nặng bằng tay. | -Quan sát và nêu:  D:\LỚP 2\tải xuống.jpg  -Trả lời:  + Qủa bóng bay nhẹ hơn quả dưa hấu.  + Hai chú gấu nặng bằng nhau.  + Qủa bóng nặng hơn quả cầu lông.  + Cái búa nặng hơn cuộn giấy. |
| **Bài 3:**  -Cho các em thảo luận nhóm 4.  D:\LỚP 2\tải xuống (1).jpg  -Gọi các nhóm trình bày, giải thích vì sao hộp đó nặng hơn.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - Thảo luận nhóm , tìm hộp nào nặng hơn dựa vào các khối hộp.  - Trả lời, giải thích. |
| 3. Củng cố (3-5 phút): |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh nắm lại các kiến thức trọng tâm mới học.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi: Ai nhanh – Ai đúng  - GV nhận xét, tuyên dương. | -Tham gia trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng” so sánh độ nặng của một số vật. |
| **4. Hoạt động ở nhà:** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo điều kiện để phụ huynh kết nối việc học tập của học sinh ở trường và ở nhà, giúp cha mẹ hiểu thêm về con em.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Tự học.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| -Dặn dò Học sinh về nhà so sánh khối lượng đồ vật trong nhà cho người thân trong gia đình cùng nghe. | **-** Học sinh thực hiện ở nhà. |

**V. RÚT KINH NGHIỆM, ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG:**

………………………..……………………………………………………………

………………………..……………………………………………………………

**TUẦN 30**

**TOÁN KI – LÔ –GAM (TIẾT 1)**

**(SGK tập 2 trang 87 -88)**

**I.Mục tiêu:**

***\*Kiến thức, kĩ năng:***

* Nhận biết đơn vị đo khối lượng: ki-lô-gam; tên gọi, kí lìiệu.
* Làm quen với một số loại cân, quả cân và cách cân.
* Cảm nhận được độ lớn của 1 kg (mức độ nặng, nhẹ).
* Xác định vật nặng hơn, nhẹ hơn so với 1 kg.
* Thực hiện các phép tính cộng, trừ với đơn vị đo khối lượng ki-lô-gam.
* GQVĐ đơn giản liên quan đến đo khối lượng.

***\*Năng lực, phẩm chất:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực

\*Tích hợp: Toán học và cuộc sống

**III. Chuẩn bị:**

- GV: Cân đĩa, cân đông hồ, cân sức khỏe và các quả cân 1 kg, 2 kg; 5 kg.

- HS: Sách giáo khoa, một số đồ vật (hộp sữa, bình nước, ...).

**III. Các hoạt động dạy học*:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** | |
| ***7’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  **\* Mục tiêu:**  Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ.  **\* Phương pháp:** Đàm thoại, trực quan  **\* Hình thức:** Cả lớp  - GV cho cả lớp hát  - GV lần lượt đưa ra các vật cho HS xác định vật nào nặng hơn, vật nào nhẹ hơn.(ví dụ: 1 quyển vở - 1 cây bút; quyển vở toán – quyển vở Tiếng Việt)  -GV nhận xét và đưa vào tình huống: Hai quyển vở giống nhau, khó phân biệt quyển nào nặng hơn, quyển nào nhẹ hơn. Vậy để biết mỗi vật nặng bao nhiêu chúng ta phải cân vật đó. Ta cần đến một đơn vị đo khối lượng. Đó là đơn vị ki-lô-gam.   * GV ghi tựa bài mới: Ki – lô - gam | - HS hát  - HS lấy vật Gv yêu cầu và xác định vật nào nặng hơn, vật nào nhẹ hơn: 1 quyển vở nặng hơn 1 cây bút; 1 cây bút nhẹ hơn 1 quyển vở.  ***-***HS lắng nghe | |
| ***23’*** **B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH:** | | | |
|  | *Hoạt động 1.* Giới thiệu đơn vị đo khối lượng (kỉ-lô-gam) và dụng cụ đo khối lượng (các loại cân)  \****Mục tiêu***: Nhận biết đơn vị đo khối lượng: ki-lô-gam; tên gọi, kí hiệu.   * Làm quen với một số loại cân, quả cân và cách cân.   \**Phương pháp*: Trực quan, đàm thoại, thảo luận nhóm  *\*Cách tiến hành*  *a)Giới thiệu đơn vị đo khối lượng (ki-lô-gam)*  - GV giới thiệu: Ki-lô-gam là một đơn vị đo khối lượng   * Kí hiệu: ki-lô-gam viết tắt là kg, đọc là ki-lô-gam. * GV cho HS đọc phần bài học trong khung và hỏi   + Quả dưa nặng bao nhiêu ki-lô-gam?  + Mấy quả chuối nặng bao nhiêu ki-lô-gam?  + Quả cân nặng mấy ki-lô-gam?  *Bài 1:* Gv đọc cho HS viết vào vở 1 dòng kg, 1 kg, 5 kg, 12 kg.   * Cho HS đọc dòng vừa viết * GV nhận xét.  1. *Giới thiệu dụng cụ đo khối lượng (các loại cân)*   -Em đã thấy những loại cân nào ?  - GV chỉ hình và giới thiệu Cân đồng hồ (cân có mặt đồng hồ): Đặt vật cần cân lên đĩa cân; nhìn kim đồng hồ để xác định khối lượng của vật đó.  + Các em thường nhìn thấy kim đồng hồ ở đâu ?   * Gv nhận xét và chốt: Cân đồng hồ hiện nay rất phổ biến. Nó thường được dùng để cân cá, rau, củ, quả, thịt,... * Cân đĩa (cân có 2 đĩa cân): Đặt vật cần cân vào một đĩa; đĩa còn lại đặt quả cân. Khi cân thăng bằng (kim giữa 2 đĩa cân nằm tại vạch chính giữa); cộng tất cả khối lượng trên các quả cân ta sẽ xác định được khối lượng của vật cần cân.   + Em đã từng được sử dụng cân đĩa chưa?  -GV nhận xét và chốt: Ngày xưa khi cân đồng hồ chưa phổ biến người ta thường sử dụng cân đĩa. Ngày nay do một số bất tiện khi sử dụng nên cân đĩa ít người sử dụng, còn một số ít cân đĩa ở tiệm thuốc bắc.   * Cân sức khỏe : đứng lên cân, nhìn kim đồng hồ để xác định cân nặng của cơ thể.   + Các em thường thấy cân sức khỏe ở đâu ?  *Bài 2:*Thực hành cân   * GV cho HS thực hành cân một số vật như cặp sách, bình nước, xô gạo, hộp sữa. * Gv cho 2 nhóm lên thực hiện cân trước lớp * - Gv nhận xét | | - HS lắng nghe  - HS đọc ki – lô – gam nhiều lần  - HS đọc thầm và trả lời:  + Quả dưa nặng ba ki-lô-gam  + Mấy quả chuối nặng một ki-lô-gam  + Quả cân nặng một ki-lô-gam   * HS viết vào vở 1 dòng theo lệnh giáo viên đọc kg, 1 kg, 5 kg, 12 kg * 2 HS đọc * Cân đồng hồ, cân sức khỏe * HS quan sát và lắng nghe.   -Ở chợ, quán tạp hóa.   * HS quan sát và lắng nghe.   -HS trả lời  -Ở trạm y tế, bệnh viện.   * HS thực hành theo nhóm 4 * 2 nhóm biểu diễn:   + Chai nước 1 lít nặng 1 kg. Xô gạo nặng 5 kg. Cái cặp nặng 3 kg; 3 quyển sách và 4 hộp sữa nặng 3 kg, Bạn An nặng 30 kg.  Cả lớp quansát nhận xét. |
| ***5’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ:**  - GV chỉ vào đơn vị Kg, 2kg, 7kg cho HS đọc  - GV đặt một số vật lên cân và cho HS đọc cân nặng của các vật đó  **-** Về nhà thực hành cân một số đồ vật như rau, củ quả  -Nhận xét, tuyên dương  - Chuẩn bị bài sau: Ki – lô – gam(tiết 2) | | ***-***HS đọc theo tay Gv chỉ  -HS lắng nghe |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 31**

**TOÁN KI – LÔ –GAM (TIẾT 2)**

**(SGK tập 2 trang 87 -88)**

**I.Mục tiêu:**

***\*Kiến thức, kĩ năng:***

* Nhận biết đơn vị đo khối lượng: ki-lô-gam; tên gọi, kí hiệu.
* Làm quen với một số loại cân, quả cân và cách cân.
* Cảm nhận được độ lớn của 1 kg (mức độ nặng, nhẹ).
* Xác định vật nặng hơn, nhẹ hơn so với 1 kg.
* Thực hiện các phép tính cộng, trừ với đơn vị đo khối lượng ki-lô-gam.
* GQVĐ đơn giản liên quan đến đo khối lượng.

***\*Năng lực, phẩm chất:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực

\*Tích hợp: Toán học và cuộc sống

**III. Chuẩn bị:**

- GV: Cân đĩa, cân đông hồ, cân sức khỏe và các quả cân 1 kg, 2 kg; 5 kg.

- HS: Sách giáo khoa, một số đồ vật (hộp sữa, bình nước, ...).

**III. Các hoạt động dạy học*:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** | |
| ***7’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  **\* Mục tiêu:**  Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ.  **\* Phương pháp:** Đàm thoại, trực quan  **\* Hình thức:** Cả lớp  - GV cho cả lớp hát  - GV cho HS cân một số vật đã chuẩn bị: bình nước, túi gạo, quả bưởi  -GV nhận xét và giới thiệu bài mới.   * GV ghi tựa bài mới: Ki – lô – gam(tiết 2) | - HS hát  - HS cân và đọc số cân nặng của vật cho cả lớp nghe.  ***-***HS lắng nghe | |
| ***23’*** **B. Luyện tập** | | | |
|  | * \****Mục tiêu***: Cảm nhận được độ lớn của 1 kg (mức độ nặng, nhẹ). * Xác định vật nặng hơn, nhẹ hơn so với 1 kg. * Thực hiện các phép tính cộng, trừ với đơn vị đo khối lượng ki-lô-gam. * GQVĐ đơn giản liên quan đến đo khối lượng.   \**Phương pháp*: Trực quan, đàm thoại, thảo luận nhóm  *\*Cách tiến hành*  *Bài 1:*  - GV cho HS đọc yêu cầu.   * Yêu cầu HS quan sát hình suy nghĩ cá nhân xem quả nào nặng hơn 1 kg, quả nào nhẹ hơn 1kg. * GV cho HS chia sẻ kết quả theo nhóm 2   GV kiểm tra kết quả bằng bảng con, sau mỗi ý cho HS giải thích vì sao chọn đúng, vì sao chọn sai.   * GV nhận xét chốt từng ý.   *Bài 2:* Gv đọc cho HS đọc yêu cầu.   * GV cho HS làm vào vở toán. * GV kiểm tra vở nhận xét – Chữa bài bảng phụ   ***Bài 3****.*Cho HS đọc đề.  Gv cho HS quan sát hình suy nghĩ cá nhân và tìm câu trả lời đúng.   * Cho HS chia sẻ câu trả lời trong nhóm * Cho các nhóm trình bày – yêu cầu HS nêu cách tính.   -GV nhận xét và chốt ý đúng ở mỗi câu và nhắc nhở HS tính trung thực khi sử dụng cân | | - HS đọc  - HS suy nghĩ làm bài  - HS chia sẻ kết quả với bạn.  -HS ghi kết quả từng ý ra bảng con theo lệnh GV:   1. Sai - Vì đĩa cân bị lệch về phía quả đu đủ. 2. Đúng - Vì đĩa cân bị lệch về phía quả cân 1 kg. 3. Đúng - Vì quả đu đủ nặng hơn 1 kg, còn quả xoài nhẹ hơn 1 kg. 4. Sai - Vì quả xoài nhẹ hơn 1 kg; quả đu đủ nặng hơn 1 kg.  * HS đọc: Tính * Cả lớp làm vở, 1 HS làm bảng phụ   a)5kg + 5 kg + 5kg = 15 kg  b)21 kg – 5 kg + 10 kg = 26 kg   * HS theo dõi   -HS quan sát và suy nghĩ tìm câu trả lời.  -HS thảo luận nhóm đôi chia sẻ câu trả lời với bạn.  -Các nhóm trả lời  a)Con gà nặng 3kg vì em thấy hai đĩa cân thăng bằng khi quả cân 5kg = quả cân 2kg + con gà  Nên con gà = 5kg – 2 kg = 3kg  b)Con chó nặng 5 kg vì con mèo nặng 2kg, con chó nói với con mèo tớ nặng hơn cậu 3kg nên em lấy 2kg + 3kg = 5kg.  HS lắng nghe. |
| ***5’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ:**  - Để biết chính xác một vật nặng bao nhiêu ta phải làm sao?  - Chúng ta vừa học đơn vị đo khối lượng nào?  **-** Về nhà thực hành cân một số đồ dùng ở nhà.  -Nhận xét, tuyên dương  - Chuẩn bị bài sau: Phép cộng và phép trừ trong phạm vi 1000. | | ***-***Ta phải cân vật đó.  -kg |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**MÔN: TOÁN – LỚP 2**

**CHỦ ĐỀ: PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 1000**

**TUẦN 31 BÀI : PHÉP CỘNG CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 100 (TIẾT 1)   
( Sách Chân trời sáng tạo – SGK trang 89 - 91 )**

1. **MỤC TIÊU:**

1. Năng lực:

1.1. Năng lực đặc thù:

- Giao tiếp toán học: Củng cố ý nghĩa của phép cộng, tên gọi các thành phần của phép cộng, vận dụng vào giải quyết vấn đề dẫn đến phép cộng.

- Tư duy và lập luận toán học: Thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100;

- Sử dụng công cụ, phương tiện toán học: Thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100 trên các khối lập phương.

- Giải quyết vấn đề toán học: Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+); bước đầu làm quen cách tính nhanh.

1.2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động

- Giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết

cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.

1. Phẩm chất:

- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.

- Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

- Yêu nước

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY – HỌC:**

1. **Giáo viên**:

- Sách Toán lớp 2; bộ thiết bị dạy toán: 3 thẻ trăm, 11 thẻ chục và 14 khối lập phương.

**2. Học sinh:**

- Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán: 2 thẻ trăm, 5 thẻ chục và 10 khối lập phương.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động giáo viên** | **Mong đợi của HS** |
| **5’** | **1. Hoạt động 1:** **Khởi động**  a. Mục tiêu: Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ.  b. Phương pháp: Trò chơi  c. Hình thức: Cả lớp | |
| **Trò chơi: TÌM BẠN**  - GV cho HS viết số vào bảng con (mỗi em tự chọn một số bất kì từ 1 đến 9).  - GV cho HS tìm bạn để hai số cộng lại bằng 14.  - Hai bạn nào tìm được nhau sớm nhất thì thắng cuộc.  - Nhận xét, tuyên dương.  \* Giới thiệu bài học mới: Phép cộng có nhớ trong phạm vi 1000 (tiết 1) | - HS tham gia  - HS tìm bạn.  - HS lắng nghe |
| **25’** | **2. Hoạt động 2: Bài học và Thực hành**  a. Mục tiêu:  - Thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 1000.  - Củng cố ý nghĩa của phép cộng, vận dụng vào giải quyết vấn đề dẫn đến phép cộng.  b. Phương pháp: Đàm thoại, trực quan, vấn đáp, thảo luận nhóm, thực hành.  c. Hình thức: Cá nhân – nhóm – lớp. | |
| **a) Xây dựng biện pháp cộng có nhớ trong phạm vi 1000**  - Yêu cầu HS áp dụng cách đặt tính đã học thực hiện các phép tính 229 + 5 và 254 + 163.  - Yêu cầu HS trao đổi nhóm 2, mỗi nhóm thực hiện một phéptính, sau đó chia sẻ cùng nhau (KT Các mảnh ghép).      - GV cho HS trình bày cách cộng 229 + 5.  - Yêu cầu HS nhận xét, GV nhận xét, chốt cách thực hiện:  \* Phép tính 229 + 5:  GV vừa nói vừa viết:  + Đặt tính: viết số 229 rồi viết số 5 sao cho các chữ số đơn vị thẳng cột với nhau, viết dấu cộng, kẻ vạch ngang.  + Tính từ phải sang trái:  5 cộng 9 bằng 14, viết 4, nhớ 1.  2 thêm 1 bằng 3, viết 3.  Hạ 2, viết 2.  Vậy 229 + 5 = 234.  - Yêu cầu HS nêu lại cách đặt tính và tính.  - Gv yêu cầu HS dùng các khối lập phương kiểm tra, khẳng định kết quả đúng.  \* Phép tính 254 + 163:  - Thực hiện tương tự phép tính 229 + 5 theo trình tự: + Yêu cầu HS đặt tính rồi tính.  + Yêu cầu HS dùng ĐDHT kiểm chứng kết quả.  - Lưu ý:  + GV giải thích tại sao lại “nhớ 1” trong quá trình tính.  + Đặt tính thẳng cột, hàng trăm thẳng cột với hàng trăm; hàng chục thẳng cột với hàng chục; hàng đơn vị thẳng cột hàng đơn vị; cộng từ phải sang trái, nhắc HS nhớ 1 và thêm 1 cho đúng kết quả.  **b) Thực hành**  - HS quan sát tổng quát, nhận biết cả 6 phép cộng đều có nhớ (do phép cộng các chữ số đơn vị là cộng qua 10 trong phạm vi 20).  - HS nhắc lại cách cộng qua 10 trong phạm vi 20 (làm cho đủ chục rồi cộng với số còn lại).  - GV đọc lần lượt từng phép tính cho HS thực hiện trên bảng con.  - GV giơ bảng và sửa. Lưu ý GV có thể chọn 1- 2 và yêu cầu HS nêu cách làm. | - HS trao đổi nhóm 2, giải thích “nhớ 1”, “thêm 1”.  - HS có thể giải thích bằng các cách khác nhau:  + Dùng các thẻ trăm, thẻ chục và các khối lập phương để hỗ trợ.  + Có thể giải thích trên phép tính (dọc) đã thực hiện.  - HS có thể nêu: Để thực hiện 229 + 5, ta lấy 5 tách ra là 1 và 4. Lấy 1 gộp với 9 ta được 1 chục. Vậy ta cố 2 trăm, 3 chục và 4 đơn vị. Vậy 229 + 5 = 234.  - HS lắng nghe.  Cả lớp cùng đếm theo trăm, chục trên các khối lập phương và đếm tiếp các khối lập phương rời để khẳng định kết quả đúng.  - HS thảo luận nhóm  - HS nêu cách thực hiện. Lắng nghe chốt GV.  - HS thực hiện tính theo hướng dẫn GV vào bảng con: 229 + 5 và  254 + 163  - HS quan sát.  - HS nhắc lại.  - HS thực hiện vào bảng con. |
| **5’** | **3. Hoạt động: Hoạt động nối tiếp**  a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức trọng tâm mới học.  b. Phương pháp: Thực hành  c. Hình thức: Trò chơi | |
| - GV tổ chức HS trò chơi: Tìm nhà cho con vật  - Có 4 căn nhà: chó (123); khỉ (247); mèo (156); thỏ (218). HS dùng bút để tìm và nối từng phép tính vào nhà các con vật cho phù hơp. Gồm các phép tính sau: 114 + 9; 128 + 28; 239 + 8; 163 + 55.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Dặn dò HS về nhà xem lại bài và chuẩn bị bài tiếp theo.  - Nhận xét tiết học. | - HS thực hiện  - HS lắng nghe  - HS thực hiện |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**MÔN: TOÁN – LỚP 2**

**CHỦ ĐỀ: PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 1000**

**TUẦN 31 BÀI : PHÉP CỘNG CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 100 (TIẾT 2)   
( Sách Chân trời sáng tạo – SGK trang 89 - 91 )**

1. **MỤC TIÊU:**

1. Năng lực:

1.1. Năng lực đặc thù:

- Giao tiếp toán học: Củng cố ý nghĩa của phép cộng, tên gọi các thành phần của phép cộng, vận dụng vào giải quyết vấn đề dẫn đến phép cộng.

- Tư duy và lập luận toán học: Thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 1000;

- Sử dụng công cụ, phương tiện toán học: Thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100 trên các khối lập phương.

- Giải quyết vấn đề toán học: Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+); bước đầu làm quen cách tính nhanh.

1.2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động

- Giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết

cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.

1. Phẩm chất:

- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.

- Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

- Yêu nước

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY – HỌC:**

1. **Giáo viên**:

- Sách Toán lớp 2; bộ thiết bị dạy toán: 3 thẻ trăm, 11 thẻ chục và 14 khối lập phương.

**2. Học sinh:**

- Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán: 2 thẻ trăm, 5 thẻ chục và 10 khối lập phương.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động giáo viên** | **Mong đợi của HS** |
| **5’** | **1. Hoạt động 1:** **Khởi động**  a. Mục tiêu: Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ.  b. Phương pháp: Trò chơi  c. Hình thức: Cả lớp | |
| **Trò chơi: Ai nhanh, ai đúng**  - GV chia lớp thành 5 nhóm, mỗi nhóm cử 2 bạn tham gia. GV nêu 10 phép tính bất kì trong phép cộng có trong phạm vi 20. Nếu nhóm nào có HS trả lời nhiều phép tính đúng, nhanh nhất là thắng  - Nhận xét, tuyên dương.  \* Giới thiệu bài học mới: Phép cộng có nhớ trong phạm vi 1000 (tiết 2) | - HS tham gia  - HS lắng nghe |
| **25’** | **2. Hoạt động 2: Luyện tập**  a. Mục tiêu:  - Thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 1000.  - Củng cố ý nghĩa của phép cộng, vận dụng vào giải quyết vấn đề dẫn đến phép cộng.  - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+); bước đầu làm quen cách tính nhanh.  b. Phương pháp: Trực quan, đàm thoại, thực hành.  c. Hình thức: Cá nhân – nhóm – lớp. | |
| **Bài 1:**  - Yêu cầu của đề bài là gì?  - Số cần điền là gì?  - Muốn tìm tổng, ta thực hiện thế nào?  - Yêu cầu HS làm bài vào vở.  - Sửa bài: Khuyến khích học sinh nói:  VD: Tổng của hai số hạng 652 và 139 bằng 791.  - Yêu cầu HS nhận xét, GV tuyên dương.  **Bài 2:**  - Yêu cầu của bài là gi? \* \* \*  - Tìm thế nào?  - GV lưu ý HS dựa vào cấu tạo thập phân gồm mấy trăm, mấy chục, mấy đơn vị để tìm được số.  - GV yêu cầu HS trao đổi nhóm 2 và làm bài tập.  - Sửa bài: Khuyến khích học sinh giải thích:  Ví dụ: 500 + 20 + 6 = 526 (đó là số gồm 5 trăm, 2 chục và 6 đơn vị: 526).  - Yêu cầu HS nhận xét, GV tuyên dương.  **Bài 3:** Điền >,<, =  - Gọi HS xác định yêu cầu BT 3  - GV cho HS thực hiện nhóm đôi, rồi trình bày kết quả.  - Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích số được so sánh và tại sao điền dấu đó.  VD: Số gồm 7 trăm, 3 chục và 8 đơn vị là số 738. 738 = 738  - Yêu cầu HS nhận xét, GV tuyên dương.  **Bài 4**:  - Yêu cầu của bài là gi?  - Tính thế nào?  - Để thuận tiện khi tính toán, ta cần ưu tiên các kết quả là số tròn trăm, tròn chục.  - Hướng dẫn tính tổng: 632 + 118 + 247  + Hai số hạng nào có tổng các đơn vị là số tròn chục?  + Ta sẽ tính tổng của hai số hạng này trước, rồi cộng tiếp với số hạng còn lại.  + 632 **+** 118 bằng bao nhiêu?  + Lấy 750 + 247 bằng bao nhiêu?  632 **+** 118 + 247 = 750 + 247 = 997.  Vậy: 632 **+** 118 + 247 = 997  - Thực hiện tính tổng: 435 + 129 + 315 + Tính tổng hai số hạng nào trước, tại sao chọn như vậy?  - Yêu cầu HS làm bài.  - Sửa bài, khuyến khích HS giải thích cách làm.  **Chốt:** Để thuận tiện khi tính toán, ta luôn ưu tiên các kết quả là số tròn trăm, tròn chục. | - Điền số  - Là tổng  - Thực hiện phép cộng, lấy số hạng, cộng với số hạng.  - Điền số  - Tính tổng / hoặc viết số theo tổng các trăm, các chục và các đơn vị.  500 + 20 + 6 = 526  50 + 2 + 600 = 652  5 + 60 + 200 = 265  - HS đọc và xác định yêu cầu BT 3  - HS thực hiện:  738 = 738  900 + 60 + 1 > 691  400 + 40 > 404  - HS giải thích.  - HS nhận xét.  - Tính  - HS nêu.  - 632 và 118  - 750  - 997  - 435 và 315 vì đây là hai số hạng có tổng các đơn vị là số tròn chục.  - 435 + 129 + 315 = 879 |
| **5’** | **3. Hoạt động: Hoạt động nối tiếp**  a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức trọng tâm mới học.  b. Phương pháp: Thực hành  c. Hình thức: Trò chơi | |
| - GV tổ chức HS trò chơi: Cùng nhau đố.  - GV chia lớp thành 4 tổ, mỗi tổ ghi 1 phép tính mà tương tự như BT 4 trong 1 phút vào bảng nhóm. Sau đó gửi cho GV hoán đổi. Nhóm cử đại diện lên nhận bảng ngẫu nhiên nhưng khác tổ mình. Tổ nào có HS giải nhanh và đúng thì tổ đó thắng  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Dặn dò HS về nhà xem lại bài và chuẩn bị bài tiếp theo. | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |